

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Cầu lông 2 - 11**
CBGD **Trương Quang Minh**

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
1	2121240122	Trần Hoài Văn Anh	08/12/2003	CCQ2124E	9.0	8.0	4.8	6.0	5.0	5.4	
2	2121120536	Lê Thanh Bình	02/01/2003	CCQ2112P	5.0	8.0	9.3	8.4	4.0	5.7	
3	2120270071	Phạm Thị Như Bình	19/04/2002	CCQ2027C	6.0	8.0	9.3	8.5	5.0	6.4	
4	2121120098	Mai Thị Quỳnh Chi	14/04/2003	CCQ2112C	5.0	6.5	7.0	6.6	4.0	5.0	
5	2121150061	Nguyễn Hoàng Chung	24/03/2001	CCQ2115B	8.0	8.5	6.0	6.8	9.0	8.1	
6	2121100303	Thái Thị Thùy Dung	16/04/2003	CCQ2110I	9.5	9.5	8.8	9.0	6.0	7.2	
7	2121120406	Mai Thị Thùy Dương	20/09/2003	CCQ2112L	8.0	8.5	6.0	6.8	4.0	5.1	
8	2121120196	Phạm Trung Dương	13/07/2003	CCQ2112F	8.5	8.0	6.0	6.8	10.0	8.7	
9	2121200105	Huỳnh Bùi Tiền Dương	23/10/2003	CCQ2120C	8.0	9.0	8.1	8.2	5.0	6.3	
10	2121120602	Lê Thị Trúc Đào	29/01/2003	CCQ2112R	4.0	6.0	8.8	7.5	5.0	6.0	
11	2121110365	Thạch Tấn Đạt	09/12/2003	CCQ2111H	8.0	9.0	8.8	8.7	7.0	7.7	
12	2121100308	Bùi Thị Ngọc Diệp	17/03/2001	CCQ2110I	9.5	8.5	8.8	8.9	4.0	5.9	
13	2121172007	Phan Công Hiến	26/01/2003	CCQ2112K	8.0	8.5	4.8	6.0	7.0	6.6	
14	2121120575	Phạm Minh Huy	25/02/2002	CCQ2112Q	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
15	2121120579	Nguyễn Hữu Chí Khang	21/06/2003	CCQ2112Q	7.0	8.5	9.1	8.7	10.0	9.5	
16	2121120410	Đặng Hữu Linh	01/09/2003	CCQ2112L	8.0	8.5	9.8	9.3	10.0	9.7	
17	2121100187	Đặng Thị Vi Linh	10/11/2003	CCQ2110F	6.0	8.0	9.3	8.5	4.0	5.8	
18	2121100100	Phạm Huỳnh Trúc Linh	26/01/2003	CCQ2110C	8.0	8.5	4.8	6.0	7.0	6.6	
19	2121100276	Phan Hồng Loan	10/04/2003	CCQ2110H	8.0	8.5	8.1	8.2	5.0	6.3	
20	2120200188	Huỳnh Thị Thục Ly	25/03/2002	CCQ2020F	5.5	8.5	9.3	8.5	8.0	8.2	
21	2121100312	Nguyễn Thị Ngọc Mai	19/01/2002	CCQ2110I	8.0	8.5	8.8	8.6	7.0	7.6	
22	2121100283	Lê Thị Nga	20/08/2003	CCQ2110I	8.0	8.5	8.8	8.6	4.0	5.8	
23	2121240127	Huỳnh Kim Ngân	01/09/2003	CCQ2124E	9.0	8.0	5.8	6.7	4.0	5.1	
24	2121120217	Lê Thị Thảo Ngân	09/10/2003	CCQ2112G	8.0	8.5	8.1	8.2	4.0	5.7	
25	2121200164	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	23/01/2003	CCQ2120E	7.0	8.0	6.0	6.5	5.0	5.6	
26	2121120407	Nguyễn Thị Kim Ngân	08/07/2003	CCQ2112L	8.0	8.5	8.8	8.6	7.0	7.6	
27	2120190133	Võ Thị Tuyết Ngân	22/01/2002	CCQ2019D	8.0	9.0	5.8	6.7	10.0	8.7	
28	2121100305	Lê Gia Nghi	15/01/2003	CCQ2110I	8.0	8.5	8.8	8.6	9.0	8.8	
29	2121120140	Đỗ Lan Bảo Ngọc	16/09/2003	CCQ2112D	8.0	8.5	8.1	8.2	4.0	5.7	
30	2121100264	Phạm Thị Ngọc	13/05/2003	CCQ2110H	5.0	8.0	9.3	8.4	10.0	9.3	
31	2121100210	Lê Thị Bích Ngọc	02/04/2003	CCQ2110F	7.0	7.5	6.0	6.4	5.0	5.6	
32	2121100110	Trần Phạm Thảo Ngọc	15/04/2003	CCQ2110D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
33	2121190016	Nguyễn Ngọc Nhi	18/02/2003	CCQ2119A	7.0	8.0	6.0	6.5	8.0	7.4	
34	2121100217	Nguyễn Thị Yên Nhung	13/11/2003	CCQ2110G	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
35	2121120392	Nguyễn Thị Huỳnh Như	09/12/2003	CCQ2112L	5.0	7.0	4.8	5.2	5.0	5.1	
36	2121190015	Nguyễn Thị Kim Oanh	13/07/2003	CCQ2119A	7.0	8.0	6.0	6.5	5.0	5.6	
37	2121120142	Nguyễn Phan Hồng Phuong	12/09/2003	CCQ2112E	8.0	8.5	6.0	6.8	5.0	5.7	
38	2121100207	Trần Thị Mỹ Phuong	09/07/2002	CCQ2110F	6.0	7.5	9.3	8.5	5.0	6.4	
39	2121120083	Nguyễn Mạnh Quân	24/12/2003	CCQ2112C	6.0	8.0	6.0	6.3	5.0	5.5	
40	2121120080	Trần Thị Kim Quyết	16/11/2003	CCQ2112C	7.0	8.0	6.0	6.5	4.0	5.0	
41	2121120096	Nguyễn Thị Như Quỳnh	26/11/2003	CCQ2112C	9.5	9.5	6.0	7.2	5.0	5.9	
42	2121120087	Đỗ Thu Sang	21/01/2003	CCQ2112C	8.0	8.5	6.0	6.8	4.0	5.1	
43	2121120377	Nguyễn Thanh Tài	12/10/2003	CCQ2112K	4.0	6.0	8.1	7.1	6.0	6.4	
44	2121120146	Bùi Thị Ngọc Thảo	27/05/2003	CCQ2112E	7.0	8.0	6.0	6.5	5.0	5.6	
45	2121100212	Đỗ Thị Thảo	13/01/2000	CCQ2110G	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
46	2121100310	Tạ Châu Thảo	19/12/2003	CCQ2110I	8.0	8.5	8.8	8.6	4.0	5.8	
47	2121150042	Đỗ Thành Thi	17/07/2002	CCQ2115B	7.0	8.0	6.0	6.5	9.0	8.0	
48	2121120106	Nguyễn Mỹ Thoa	04/12/2003	CCQ2112D	4.0	4.0	6.0	5.3	5.0	5.1	
49	2121120084	Nguyễn Thị Mỹ Thoa	16/06/2003	CCQ2112C	8.0	8.5	6.0	6.8	5.0	5.7	
50	2121100155	Võ Thị Kim Thoa	10/05/2003	CCQ2110E	6.0	7.5	9.3	8.5	7.0	7.6	
51	2121200011	Hoàng Ngọc Phương Thúy	17/11/2003	CCQ2120A	4.0	7.0	9.3	8.0	4.0	5.6	
52	2121200084	Nguyễn Đặng Thanh Thúy	25/12/2003	CCQ2120C	8.0	9.0	8.1	8.2	7.0	7.5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
53	2121240121	Dương Ngọc Anh	Thư	01/01/2003	CCQ2124E	8.0	9.0	5.8	6.7	4.0	5.1	
54	2121120232	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	26/02/2003	CCQ2112G	8.0	8.5	5.8	6.6	4.0	5.0	
55	2121100304	Đặng Thị Quế	Trân	28/02/2003	CCQ2110I	5.0	7.5	8.8	8.0	4.0	5.6	
56	2121200106	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	01/11/2003	CCQ2120D	8.0	8.5	8.1	8.2	4.0	5.7	
57	2121200080	Đoàn Thị Lan	Trình	20/06/2003	CCQ2120C	9.5	10.0	9.1	9.3	10.0	9.7	
58	2121110262	Nguyễn Ngọc	Trình	06/05/2003	CCQ2111H	9.5	9.5	4.8	6.4	5.0	5.5	
59	2121120158	Nguyễn Hữu	Trọng	16/01/2003	CCQ2112E	5.0	7.0	6.0	6.0	7.0	6.6	
60	2121240136	Huỳnh Yên	Tuyết	03/07/2003	CCQ2124E	8.0	8.5	4.8	6.0	8.0	7.2	
61	2121120136	Trần Thị Kim	Tuyết	07/01/2002	CCQ2112D	8.0	8.5	8.1	8.2	6.0	6.9	
62	2120130104	Lê Bảo	Vì	25/01/2002	CCQ2013D	4.0	5.0	9.3	7.7	4.0	5.5	
63	2121120093	Trần Thị Cẩm	Vì	17/08/2003	CCQ2112C	8.0	9.0	6.0	6.8	7.0	6.9	
64	2120100102	Nguyễn Quốc	Vũ	30/04/2002	CCQ2010C	5.0	8.0	4.8	5.4	5.0	5.1	
65	2121100242	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	14/03/2003	CCQ2110G	8.0	8.5	6.0	6.8	5.0	5.7	
66	2121120092	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	27/10/2003	CCQ2112C	5.0	7.0	8.1	7.4	4.0	5.4	
67	2121120079	Lê Thị Ngọc	Ý	31/10/2003	CCQ2112C	8.0	8.5	6.0	6.8	9.0	8.1	
68	2121240142	Trần Ngọc Như	Ý	30/10/2003	CCQ2124E	8.0	8.0	5.8	6.5	4.0	5.0	
69	2121200076	Tô Đào Như	Yến	01/07/2003	CCQ2120C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%

TPHCM , ngày 29 tháng 10 năm 2022

$\text{Đ.QT} = ((\text{BP.1} + \text{BP.2}) / 2 + \text{BP.3} * 2) / 3$
 $\text{Đ.HP} = \text{Đ.QT} * 0.4 + \text{Đ.THI} * 0.6$
 $\text{Đ.HP} \geq 5$ ĐẠT ; $\text{Đ.HP} < 4.9$ KHÔNG ĐẠT